



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

TÀI LIỆU
ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KH&CN CỦA CÁC
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2019

Hà Nội, 2019

MỤC LỤC

PHẦN I. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1335/QĐ-BKH-CN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019.....	3
PHẦN II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA VỀ ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019.....	6
PHẦN III. PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019.....	16
PHẦN IV. HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019.....	30
PHỤ LỤC I. QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2016/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA.....	63

**PHẦN I. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1335/QĐ-BKHHCN CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ ĐIỀU TRA TIỀM LỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA
HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều tra Tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ năm 2019

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 30/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thống kê khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra Tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ năm 2019; thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2019 theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Điều tra Tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ năm 2019 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án được phê duyệt. Kinh phí thực hiện Điều tra Tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ năm 2019 được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ năm 2019 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Thế Duy

**PHẦN II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA VỀ ĐIỀU TRA TIỀM LỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA
HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019**

PHƯƠNG ÁN

ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019

*(Ban hành theo Quyết định số 1335/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 5 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm mục đích thu thập thông tin về nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng và các tiềm lực KH&CN khác phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch KH&CN.

Điều tra tiềm lực KH&CN đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu để:

- Đánh giá hiện trạng tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN; có cơ sở xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN trên phạm vi cả nước, của các Bộ, ngành và địa phương;
- Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về phát triển KH&CN, Luật KH&CN. Phục vụ so sánh quốc tế các chỉ tiêu thống kê về KH&CN;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực KH&CN của Việt Nam phục vụ các phân tích chuyên sâu và làm tiền đề cho các cuộc điều tra của các năm tiếp theo.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI ĐIỀU TRA

2.1. Đối tượng và đơn vị điều tra

Đối tượng điều tra của cuộc Điều tra tiềm lực KH&CN bao gồm:

- Tổ chức NC&PT (viện hàn lâm, viện/trung tâm NC&PT, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và cơ sở NC&PT khác);
- Cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đại học, trường đại học, học viện (các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc trường được coi như đơn vị trường đại học). Trường cao đẳng;
- Tổ chức dịch vụ KH&CN (các trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm,... về: Thông tin, thư viện; bảo tàng KH&CN; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho

KH&CN; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về KH&CN; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ;...).

Các tổ chức KH&CN hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng của cuộc điều tra này.

2.2. Phạm vi điều tra

Tất cả các đơn vị thuộc đối tượng trên ở phạm vi cả nước.

Phạm vi lĩnh vực: Tất cả các lĩnh vực NC&PT theo Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

- + Khoa học tự nhiên;
- + Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- + Khoa học y, dược;
- + Khoa học nông nghiệp;
- + Khoa học xã hội;
- + Khoa học nhân văn.

3. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA

3.1. Thời điểm, thời kỳ điều tra

a) Thời điểm bắt đầu điều tra là ngày 01/7/2019. Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số thực tế có tại 31/12/2018.

b) Thời kỳ điều tra: Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018.

3.2. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin là 31 ngày kể từ ngày 01/7/2019 đến 31/7/2019.

4. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

4.1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra tập trung phục vụ các chỉ tiêu:

Các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam:

- Chỉ tiêu 1401: Số tổ chức khoa học và công nghệ
- Chỉ tiêu 1402: Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ;

Các chỉ tiêu Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKH&CN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ:

- Chỉ tiêu 0101: Giá trị tài sản cố định của các tổ chức khoa học và công nghệ;

- Chỉ tiêu 0102: Diện tích đất và trụ sở làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Chỉ tiêu 0301: Tổng chi quốc gia cho hoạt động khoa học và công nghệ;

- Chỉ tiêu 0302: Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ;

Nội dung thông tin điều tra gồm các phần sau:

a) Nhóm thông tin chung về đơn vị

- Tên đơn vị;

- Địa chỉ;

- Cơ quan chủ quản;

- Loại hình kinh tế;

- Lĩnh vực KH&CN chính của đơn vị;

- Loại hình hoạt động KH&CN của đơn vị.

b) Nhóm thông tin về nhân lực khoa học và công nghệ

- Tổng số nhân lực của đơn vị;

- Nhân lực có trình độ (từ cao đẳng trở lên).

c) Nhóm thông tin về nguồn lực tài chính của tổ chức

- Tổng thu của đơn vị;

- Tổng chi của đơn vị;

- Chi cho KH&CN theo nguồn cấp kinh phí;

- Chi cho KH&CN theo loại chi.

d) Nhóm thông tin về cơ sở hạ tầng và tiềm lực khác

- Trụ sở, đất đai, nhà xưởng;

- Giá trị còn lại của tài sản cố định;

- Thông tin KH&CN;

- Tài sản trí tuệ;

- Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn.

4.2. Phiếu điều tra

Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN năm 2019 sử dụng 03 loại phiếu:

a) Phiếu số 01/ĐTTL-VNC/2019: Phiếu thu thập thông tin tiềm lực KH&CN dành cho Viện nghiên cứu (áp dụng cho viện/trung tâm nghiên cứu và phát triển công lập, ngoài công lập và có vốn đầu tư nước ngoài);

b) Phiếu số 02/ĐTTL-ĐH/2019: Phiếu thu thập thông tin tiềm lực KH&CN dành cho Cơ sở giáo dục đại học (áp dụng cho đại học, trường đại học, học viện, cao đẳng);

c) Phiếu số 03/ĐTTL-DV/2019: Phiếu thu thập thông tin tiềm lực KH&CN dành cho các tổ chức dịch vụ KH&CN (Hoạt động khoa học và công nghệ; Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân; Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực KH&CN).

5. PHÂN LOẠI, DANH MỤC ÁP DỤNG CHO CUỘC ĐIỀU TRA

a) Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN, Bảng phân loại mục tiêu kinh tế-xã hội của hoạt động khoa học và công nghệ, Bảng phân loại dạng hoạt động khoa học và công nghệ, ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐBKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra.

d) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

6. LOẠI ĐIỀU TRA, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

6.1. Loại điều tra

Là cuộc điều tra toàn bộ các tổ chức khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước.

6.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thu thập thông tin theo hai phương pháp: gián tiếp và trực tiếp để thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra.

Phương pháp trực tiếp: Điều tra viên trực tiếp đến các đơn vị điều tra gặp cán bộ được phân công của các đơn vị giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung và cùng với cán bộ của đơn vị thu thập, tính toán số liệu để ghi vào phiếu điều tra. Phương pháp này được áp dụng với đa số đơn vị điều tra.

Phương pháp gián tiếp: Tổ chức hội nghị tập huấn giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung cách ghi phiếu và yêu cầu đơn vị điều tra gửi phiếu điều tra về cơ quan điều tra theo đúng nội dung và thời gian quy định của Phương án điều tra. Phương pháp này áp dụng khi điều tra viên khó tiếp cận với đơn vị điều tra.

Để thực hiện thuận lợi điều tra trực tiếp điều tra viên cần tuyển chọn là cán bộ điều tra có kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra thống kê.

7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN, TỔNG HỢP VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA ĐIỀU TRA

7.1. Phương pháp xử lý thông tin

Mã số của các đơn vị được ghi thủ công theo khu vực thực hiện hoạt động.

Phương pháp nhập tin: Cuộc điều tra được xử lý tổng hợp tập trung bằng máy tính, nhập tin bằng bàn phím trên phần mềm do Cục Thông tin KH&CN quốc gia phát triển.

Quy trình và cách thức tổng hợp dữ liệu: Các Vụ KH&CN, Vụ Tổ chức cán bộ (đại diện cho các Bộ, ngành), các Sở KH&CN (đại diện cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) có trách nhiệm thu thập phiếu điều tra trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của mình, kiểm tra, đối chiếu số liệu trước khi nộp về cho Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia.

Tổ công tác giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo và triển khai công tác xử lý toàn bộ số liệu điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN năm 2019.

Dữ liệu sẽ được tổng hợp tự động theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

7.2 Biểu đầu ra

Các biểu tổng hợp kết quả điều tra được thể hiện trong phần phụ lục.

8. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

8.1. Thời gian thực hiện các công việc chuẩn bị và tiến hành điều tra

Tháng 3-6/2019: Chuẩn bị và in phương án, phiếu điều tra.

Tháng 3-6/2019: Lập danh sách đơn vị điều tra.

Tháng 6/2019: Tổ chức quán triệt và tập huấn điều tra cho các đầu mối và điều tra viên tại ba miền Bắc, Trung, Nam.

Tháng 5-6/2019: Xây dựng chương trình nhập tin, xử lý và tổng hợp phiếu điều tra;

Tháng 7/2019: Điều tra, thu thập thông tin.

Tháng 8-12/2019: Nhập tin, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phân tích kết quả điều tra bao gồm:

- Kiểm tra, làm sạch phiếu;
- Xây dựng hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra;
- Xây dựng chương trình nhập tin, xử lý và tổng hợp phiếu điều tra;
- Nhập tin phiếu điều tra;
- Xử lý, tổng hợp kết quả điều tra, biên soạn số liệu kết quả điều tra;
- Viết báo cáo tổng hợp, phân tích;
- In ấn số liệu kết quả điều tra, các báo cáo tổng hợp, phân tích.

8.2. Xác định số lượng, lập danh sách các đơn vị điều tra

Trên cơ sở đối tượng điều tra được xác định, tiến hành lập danh sách đơn vị điều tra.

Đối với các tổ chức KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ gửi công văn đến các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội yêu cầu lập danh sách các tổ chức KH&CN. Trên cơ sở đó sẽ lập bảng danh sách đơn vị điều tra cho từng bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nhằm vừa bảo đảm cho việc điều tra thu thập thông tin đúng đối tượng, không bỏ sót, trùng lặp, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị và tổ chức điều hành.

8.3. Cập nhật danh sách các đơn vị điều tra

Trong tháng 6-7/2019 và trong quá trình điều tra, Cục Thông tin KH&CN quốc gia phối hợp với các cơ quan liên quan, các bộ, ngành, các Sở KH&CN tổ chức rà soát, cập nhật theo địa bàn và danh sách các đơn vị điều tra. Trong khi rà soát, cập nhật cần đặc biệt chú ý đến những tổ chức KH&CN mới được chia tách, sáp nhập, được chuyển đổi, thành lập mới sau thời điểm lập bảng kê.

8.4. Tập huấn cán bộ chỉ đạo và điều tra viên

Tuyển chọn điều tra viên: có trình độ từ cao đẳng trở lên, đã được đào tạo về nghiệp vụ Điều tra, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Lớp tập huấn cho điều tra viên của các Bộ/ngành, tỉnh/thành phố được tổ chức ở 3 khu vực Bắc, Trung, Nam. Thời gian mỗi lớp là 02 ngày.

8.5. Hoạt động tuyên truyền

a) Hoạt động tuyên truyền cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung chính và kế hoạch thực hiện Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019 đến các cấp, các ngành và cộng đồng khoa học.

Tổ công tác triển khai Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019 huy động tối đa các hình thức tuyên truyền như: Các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo

điện tử, bản tin, website) thực hiện tuyên truyền sâu rộng để các đơn vị thuộc đối tượng điều tra tích cực hưởng ứng cuộc Điều tra.

b) Cục Thông tin KH&CN quốc gia chuẩn bị điều kiện vật chất cần thiết (làm website về các nội dung cơ bản cuộc Điều tra, trong đó có mục hỏi/đáp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thực hiện thu thập thông tin, cách trả lời phiếu điều tra) cung cấp cho Tổ công tác để tuyên truyền, phổ biến về cuộc Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019.

8.6. Triển khai thu thập số liệu

Thu thập số liệu được bắt đầu vào ngày 01/7/2019.

Cần thông báo trước cho các đơn vị được điều tra và các đối tượng điều tra viên cần gặp về ngày, giờ điều tra viên đến điều tra.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chưa rõ, điều tra viên cần gợi ý để đơn vị kiểm tra và cung cấp hoặc giải thích để hoàn thiện phiếu điều tra. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra; tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin giả tạo, sai sự thật dưới mọi hình thức.

8.7. Xử lý tổng hợp và công bố kết quả điều tra

Tổ công tác giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo và triển khai công tác xử lý toàn bộ số liệu điều tra tiềm lực KH&CN. Dữ liệu sẽ được xử lý và tổng hợp theo các biểu mẫu ra bằng phần mềm.

Thông tin về kết quả Điều tra do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố theo qui định của pháp luật.

Kết quả chính thức công bố vào năm 2020.

9. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ THỰC HIỆN

9.1 Thành lập Tổ công tác triển khai Điều tra Tiềm lực KH&CN năm 2019 của Bộ KH&CN

Thành lập Tổ công tác triển khai Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019 do một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Tổ trưởng, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia làm Tổ phó, các thành viên là Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Phát triển KH&CN địa phương, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Vụ Công nghệ cao, Cục công tác phía Nam, Văn phòng đăng ký hoạt động KH&CN, Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (Tổng cục Thống kê).

Tổ công tác triển khai Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án, chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra.

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Điều tra Tiềm lực KH&CN năm 2019 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án quy định. Địa chỉ liên lạc:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hà nội

Tel: 04-38256143, Fax: 04-39349127

Email: thongke@vista.gov.vn

9.2. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, Tổ công tác có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian từ khâu lập bảng kê, tập huấn đến thu thập, tổng hợp nhanh số liệu điều tra tại các địa bàn.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc lập bảng kê các đơn vị điều tra, tham gia các lớp tập huấn, số lượng và chất lượng phiếu, cách hỏi và ghi phiếu của từng điều tra viên, tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, kiểm tra số học, đơn vị tính, đánh mã, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. Tổ công tác kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra tại các ngành, địa phương để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, bàn giao, điều tra viên phải đặc biệt lưu ý đến trách nhiệm kiểm tra tất cả các phiếu điều tra cả về nội dung, phương pháp tính, tính logic, kiểm tra số học, các quy định hành chính bắt buộc (chữ ký, dấu).

9.3. Tổ chức nghiệm thu phiếu ở các cấp

Nghiệm thu giữa Tổ công tác, Cục Thông tin KH&CN quốc gia và các bộ, ngành, địa phương: Tổ công tác, Cục Thông tin KH&CN quốc gia trực tiếp nghiệm thu phiếu điều tra của các bộ, ngành, các địa phương. Thời gian nghiệm thu từ ngày 01 đến 31 tháng 8 năm 2019, ở mỗi bộ, ngành, địa phương từ 1 - 2 ngày tùy theo số lượng đơn vị điều tra và chất lượng phiếu điều tra ở bộ, ngành, địa phương và cơ sở.

Nội dung nghiệm thu bao gồm: số lượng phiếu đã điều tra theo từng loại phiếu, chất lượng số liệu và chất lượng phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu ký vào biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

10. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai Điều tra Tiềm lực KH&CN năm 2019 từ nguồn ngân sách Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin KH&CN quốc gia.

Chế độ chi triển khai Điều tra Tiềm lực KH&CN năm 2019 được thực hiện theo Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Chi cho tập huấn, công tác phí, hội nghị hội thảo thực hiện theo các chế độ hiện hành của Nhà nước.

Tổ công tác triển khai Điều tra tiềm lực KH&CN năm 2019, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo chế độ tài chính hiện hành, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

**PHẦN III. PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐIỀU TRA TIỀM
LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019**

Loại hình hoạt động chính	Tỷ trọng (%)
1. Nghiên cứu khoa học	
- Nghiên cứu cơ bản	
- Nghiên cứu ứng dụng	
2. Phát triển công nghệ	
- Triển khai thực nghiệm	
- Sản xuất thử nghiệm	
3. Dịch vụ khoa học và công nghệ	

10. Danh sách các đơn vị/tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân (Nếu có nhiều đơn vị/tổ chức đề nghị lập bảng riêng đính kèm)

STT	Tên đơn vị/tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân	Tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, fax
1.			
2.			
3.			
...			
...			
...			

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2018)

11. Tổng số nhân lực của đơn vị

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	TỔNG SỐ	Chia theo tình trạng tuyển dụng	
			Trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển	Khác
A	B	1=2+3	2	3
TỔNG SỐ trong đó:	01			
- Số Nữ	02			
- Số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên	03			

12. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

(Tổng số người ở mục 01 của bảng 12 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 11)

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn				Chức danh	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó GS
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ trong đó:	01							
- Số Nữ	02							
- Dân tộc thiểu số	03							

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

13. Tổng thu của đơn vị (Lưu ý: Không ghi số liệu ở những ô có dấu X)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Nguồn sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
A	B	1	2	3
TỔNG THU	01			
<i>Chia theo nguồn thu:</i>				
1. Do ngân sách nhà nước cấp	02			
1.1. Từ ngân sách trung ương	03			
1.2. Từ ngân sách địa phương	04			
2. Thu từ phí, lệ phí	05			
3. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	06		X	
3.1. Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ	07		X	
3.2. Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	08		X	
4. Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác	09		X	

14. Tổng chi của đơn vị

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số
A	B	1
TỔNG CHI	01	
<i>Chia theo khoản chi:</i>		
1. Chi cho KH&CN (gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN)	02	
2. Chi khác (gồm chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ)	03	

15. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng số
A	B	1
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1. Ngân sách trung ương	02	
1.2. Ngân sách địa phương	03	
2. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1. Doanh nghiệp	05	
2.2. Trường Đại học, đơn vị sự nghiệp khác	06	
2.3. Nguồn ngoài NSNN khác	07	
3. Nước ngoài	08	
Tổng chi (09=01+04+08)	09	

16. Chi cho KH&CN theo loại chi

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Từ nguồn KH&CN	Nguồn khác
A	B	1	2	3
TỔNG CHI CHO KH&CN	01			
chia theo:				
1. Chi đầu tư phát triển	02			
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03			
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	04			
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05			
- Cấp Quốc gia	06			
- Cấp Bộ	07			
- Cấp Tỉnh/Thành phố	08			
- Cấp cơ sở	09			
- Nhiệm vụ KH&CN khác	10			
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	11			
3. Chi khác	12			

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC**17. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị (Đánh dấu X vào 1 hoặc nhiều mục phù hợp nếu có)**

1. Được Nhà nước giao
 2. Tự mua
 3. Thuê, mượn

18. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có tại 31/12/2018)(Đơn vị tính: m²)

	Mã số	Tổng số	Chia ra		
			Được Nhà nước giao	Tự mua	Thuê, mượn
A	B	1	2	3	4
1. Tổng diện tích đất	01				
1.1. Đất sử dụng cho trụ sở làm việc	02				
1.2. Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,...	03				
1.3. Diện tích đất khác	04				
2. Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng	05				

19. Giá trị còn lại của tài sản cố định

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018
A	B	1	2
Tổng giá trị tài sản cố định	01		
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	02		
2. Máy móc, thiết bị	03		
3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04		
4. Tài sản cố định khác	05		

20. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

	Mã số	Đơn vị	Số lượng
A	B	C	D
1. Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng	01	CSDL	
2. Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN	02	Biểu ghi	
3. Số lượng máy chủ	03	Chiếc	
4. Băng thông đường truyền Internet	04	Mbps	
5. Năng lực lưu trữ dữ liệu	05	GB	
6. Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop)	06	Chiếc	

21. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2018)

Loại hình tài sản trí tuệ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1. Số bằng độc quyền sáng chế	01	Bằng	
2. Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	02	Bằng	
3. Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	03	Bằng	
4. Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp	04	Giấy chứng nhận	
5. Số bằng bảo hộ giống cây trồng	05	Bằng	
6. Số sáng kiến được công nhận	06	Sáng kiến	
7. Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ	07	Chương trình	
8. Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn	08	Sản phẩm/công nghệ	
9. Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm	09	Triệu đồng	

22. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng)

Người trả lời phiếu:

....., ngày..... tháng..... năm 2019

Họ và tên:.....

Thủ trưởng đơn vị

Điện thoại:.....

(Ký tên, đóng dấu)

E-mail:.....

Điều tra viên:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Thông tin liên hệ:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel. (024) 38256143; Fax: (024) 39349127;

Email: thongke@vista.gov.vn

Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

9. Tổng số nhân lực của đơn vị

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	TỔNG SỐ	Chia theo tình trạng tuyển dụng	
			Trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển	Khác
A	B	1=2+3	2	3
TỔNG SỐ <i>trong đó:</i>	01			
- Số Nữ	02			
- Số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên có hoạt động KH&CN	03			

10. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên có hoạt động KH&CN của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

(Tổng số người ở mục 01 của bảng 10 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 09)

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn				Chức danh	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó GS
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ <i>trong đó:</i>	01							
- Số Nữ	02							
- Dân tộc thiểu số	03							

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

11. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên là cán bộ cơ hữu của các viện, trung tâm nghiên cứu có tư cách pháp nhân trực thuộc trường đại học chia theo trình độ chuyên môn

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn				Chức danh GS, PGS	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó GS
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ <i>trong đó:</i>	01							
- Số Nữ	02							
- Dân tộc thiểu số	03							

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

12. Tổng thu của đơn vị (Lưu ý: Không ghi số liệu ở những ô có dấu X)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chi theo	
			Từ nguồn KH&CN	Nguồn khác
A	B	1	2	3
TỔNG THU <i>Chia theo nguồn thu:</i>	01			
1. Do ngân sách nhà nước cấp	02			
1.1. Từ ngân sách trung ương	03			
1.2. Từ ngân sách địa phương	04			
2. Thu từ học phí, hoạt động đào tạo...	05		X	
3. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	06		X	
3.1. Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ	07		X	
3.2. Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	08		X	
4. Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác	09		X	

13. Tổng chi của đơn vị

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số
A	B	1
TỔNG CHI <i>Chia theo khoản chi:</i>	01	
1. Chi cho KH&CN (gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN)	02	
2. Chi khác (gồm chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ)	03	

14. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng số
A	B	1
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1. Ngân sách trung ương	02	
1.2. Ngân sách địa phương	03	
2. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1. Doanh nghiệp	05	
2.2. Trường Đại học, đơn vị sự nghiệp khác	06	
2.3. Nguồn ngoài NSNN khác	07	
3. Nước ngoài	08	
Tổng chi (09=01+04+08)	09	

15. Chi cho KH&CN theo loại chi

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Nguồn sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
A	B	1	2	3
TỔNG CHI CHO KH&CN chia theo:	01			
1. Chi đầu tư phát triển	02			
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03			
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thương xuyên theo chức năng	04			
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05			
- Cấp Quốc gia	06			
- Cấp Bộ	07			
- Cấp Tỉnh/Thành phố	08			
- Cấp cơ sở	09			
- Nhiệm vụ KH&CN khác	10			
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	11			
3. Chi khác	12			

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

16. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị (Đánh dấu X vào 1 hoặc nhiều mục phù hợp nếu có)

1. Được Nhà nước giao
 2. Tự mua
 3. Thuê, mượn

17. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có tại 31/12/2018)

(Đơn vị tính: m²)

	Mã số	Tổng số	Chia ra		
			Được Nhà nước giao	Tự mua	Thuê, mượn
A	B	1	2	3	4
1. Tổng diện tích đất	01				
1.1. Đất sử dụng cho trụ sở làm việc	02				
1.2. Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,...	03				
1.3. Diện tích đất khác	04				
2. Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng	05				

18. Giá trị còn lại của tài sản cố định

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018
A	B	1	2
Tổng giá trị tài sản cố định	01		
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	02		
2. Máy móc, thiết bị	03		
3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04		
4. Tài sản cố định khác	05		

19. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

	Mã số	Đơn vị	Số lượng
A	B	C	D
3. Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng	01	CSDL	
4. Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN	02	Biểu ghi	
3. Số lượng máy chủ	03	Chiếc	
4. Băng thông đường truyền Internet	04	Mbps	
5. Năng lực lưu trữ dữ liệu	05	GB	
6. Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop)	06	Chiếc	

20. Tài sản trí tuệ (có đến 31/12/2018)

Loại hình tài sản trí tuệ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1. Số bằng độc quyền sáng chế	01	Bằng	
2. Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	02	Bằng	
3. Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	03	Bằng	
4. Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp	04	Giấy chứng nhận	
5. Số bằng bảo hộ giống cây trồng	05	Bằng	
6. Số sáng kiến được công nhận	06	Sáng kiến	
7. Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ	07	Chương trình	
8. Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn	08	Sản phẩm/công nghệ	
9. Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm	09	Triệu đồng	

21. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)

*(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng)***Người trả lời phiếu:**

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Điều tra viên:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

....., ngày..... tháng..... năm 2019

Thủ trưởng đơn vị*(Ký tên, đóng dấu)*

Thông tin liên hệ:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel. (024) 38256143; Fax: (024) 39349127;

Email: thongke@vista.gov.vn

Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị

5. Khoa học xã hội	
6. Khoa học nhân văn	

9. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị; Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%)

Loại hình hoạt động chính	Tỷ trọng (%)
1. Nghiên cứu khoa học	
- Nghiên cứu cơ bản	
- Nghiên cứu ứng dụng	
2. Phát triển công nghệ	
- Triển khai thực nghiệm	
- Sản xuất thử nghiệm	
3. Dịch vụ khoa học và công nghệ	
- Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN)	
- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ	
- Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	
- Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
- Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân	
- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực KH&CN	

10. Danh sách các đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân (Nếu có nhiều đơn vị/tổ chức đề nghị lập bảng riêng đính kèm)

STT	Tên đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân	Tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, fax
1.			
2.			
3.			
...			

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2018)

11. Tổng số nhân lực của đơn vị

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	TỔNG SỐ	Chia theo tình trạng tuyển dụng	
			Trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển	Khác
A	B	1=2+3	2	3
TỔNG SỐ trong đó:	01			
- Số Nữ	02			
- Số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên	03			

12. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

(Tổng số người ở mục 01 của bảng 12 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 11)

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn				Chức danh	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó GS
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ trong đó:	01							
- Số Nữ	02							
- Dân tộc thiểu số	03							

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

13. Tổng thu của đơn vị (Lưu ý: Không ghi số liệu ở những ô có dấu X)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Nguồn sự nghiệp KH&CN	Nguồn khác
A	B		2	3
TỔNG THU	01			
<i>Chia theo nguồn thu:</i>				
1. Do ngân sách nhà nước cấp	02			
1.1. Từ ngân sách trung ương	03			
1.2. Từ ngân sách địa phương	04			
2. Thu từ phí, lệ phí;	05			
3. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	06		X	
3.1. Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ	07		X	

3.2. Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	08		X	
4. Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác	09		X	

14. Tổng chi của đơn vị

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số
A	B	1
TỔNG CHI	01	
<i>Chia theo khoản chi:</i>		
1. Chi cho KH&CN (gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN)	02	
2. Chi khác (gồm chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ)	03	

15. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng số
A	B	1
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1. Ngân sách trung ương	02	
1.2. Ngân sách địa phương	03	
2. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1. Doanh nghiệp	05	
2.2. Trường Đại học, đơn vị sự nghiệp khác	06	
2.3. Nguồn ngoài NSNN khác	07	
3. Nước ngoài	08	
Tổng chi (09=01+04+08)	09	

16. Chi cho KH&CN theo loại chi

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Từ nguồn KH&CN	Nguồn khác
A	B	1	2	3
TỔNG CHI CHO KH&CN	01			
chia theo:				
1. Chi đầu tư phát triển	02			
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03			
2.1 Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	04			
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05			
- Cấp Quốc gia	06			
- Cấp Bộ	07			
- Cấp Tỉnh/Thành phố	08			
- Cấp cơ sở	09			
- Nhiệm vụ KH&CN khác	10			
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	11			
3. Chi khác	15			

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

17. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị (Đánh dấu X vào 1 hoặc nhiều mục phù hợp nếu có)

1. Được Nhà nước giao
 2. Tự mua
 3. Thuê, mượn

18. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có tại 31/12/2018)

(Đơn vị tính: m²)

	Mã số	Tổng số	Chia ra		
			Được Nhà nước giao	Tự mua	Thuê, mượn
A	B	1	2	3	4
1. Tổng diện tích đất	01				
1.1. Đất sử dụng cho trụ sở làm việc	02				
1.2. Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,...	03				
1.3. Diện tích đất khác	04				
2. Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng	05				

19. Giá trị còn lại của tài sản cố định

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018
A	B	1	2
Tổng giá trị tài sản cố định	01		
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	02		
2. Máy móc, thiết bị	03		
3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04		
4. Tài sản cố định khác	05		

20. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

A	Mã số	Đơn vị	Số lượng
B	C	D	
5. Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng	01	CSDL	
6. Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN	02	Biểu ghi	
3. Số lượng máy chủ	03	Chiếc	
4. Băng thông đường truyền Internet	04	Mbps	
5. Năng lực lưu trữ dữ liệu	05	GB	
6. Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop)	06	Chiếc	

21. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2018)

Loại hình tài sản trí tuệ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1. Số bằng độc quyền sáng chế	01	Bằng	
2. Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	02	Bằng	
3. Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	03	Bằng	
4. Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp	04	Giấy chứng nhận	
5. Số bằng bảo hộ giống cây trồng	05	Bằng	
6. Số sáng kiến được công nhận	06	Sáng kiến	
7. Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ	07	Chương trình	
8. Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn	08	Sản phẩm/công nghệ	
9. Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm	09	Triệu đồng	

22. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Tên trang thiết bị	Mã/Model trang thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (triệu đồng)

(Nếu có nhiều trang thiết bị, xin lập và đính kèm danh sách riêng)

Người trả lời phiếu:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Điều tra viên:

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

....., ngày..... tháng..... năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Thông tin liên hệ:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel. (024) 38256143; Fax: (024) 39349127;

Email: thongke@vista.gov.vn

Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị

Tên Bộ/ngành/Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương chủ quản

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ... năm 2019

DANH SÁCH CÁN BỘ CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA ĐƠN VỊ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Năm tốt nghiệp đại học	Năm bảo vệ LA TS/TSKH	Chuyên ngành đào tạo TS/TSKH	Chức vụ hiện tại	Nước bảo vệ LA TS/TSKH	Chức danh GS/ PGS
1										
2										
3										
4										
....										

Người lập biểu:

....., ngày..... tháng ... năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**PHẦN IV. HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA TIỀM LỰC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019

(Phiếu số 01/ĐTTL-VNC/2019: *Áp dụng cho viện/trung tâm nghiên cứu và phát triển công lập, ngoài công lập và có vốn đầu tư nước ngoài*)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

1. Thông tin về đơn vị

1.1. Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:
Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

NASATI

IOIT

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

1.3. Địa chỉ

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

Hà Nội

Thái Bình

Đà Nẵng

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

1.4. Phương tiện liên lạc

Điện thoại và fax: ghi cả mã vùng và số điện thoại/fax riêng.

Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu cách. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

024 39349923 không ghi 024 3934 9923 hoặc 024-3934-9923

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

nguyenvana@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

http://www.vista.gov.vn

2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan/người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào trình độ, chức danh phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

3. Loại hình kinh tế

Đánh dấu “X” vào 1 thành phần kinh tế phù hợp nhất.

1. Nhà nước 2. Ngoài nhà nước 3. Có vốn đầu tư nước ngoài

4. Cơ quan quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị, ví dụ:

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

5. Thẩm quyền thành lập

Đánh dấu “X” vào 1 trong các lựa chọn:

- 1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- 2. Chính phủ: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Chính phủ;
- 3. Tòa án nhân dân tối cao: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- 4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- 5. Thủ tướng Chính phủ: thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức KH&CN thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- 6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: thành lập tổ chức KH&CN thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm (5) khoản này;
- 7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: thành lập tổ chức KH&CN của địa phương theo thẩm quyền;
- 8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp: thành lập tổ chức KH&CN theo quy định của pháp luật và điều lệ;
- 9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân: thành lập tổ chức KH&CN của mình.

6. Bộ, ngành/tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản, quản lý

Nếu đơn vị trả lời phiếu thuộc Bộ/ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó.

Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Công thương

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị trả lời phiếu là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Tp. Hà Nội

UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND tỉnh Hà Nam

Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

7. Thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN theo Nghị định

54/2016/NĐ-CP (Đánh dấu “X” vào 1 mục phù hợp nhất)

Tại khoản 2 điều 3 Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định: Tổ chức KH&CN công lập được phân loại theo mức độ tự đảm bảo về chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

- 1. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
- 2. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm chi thường xuyên
- 3. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
- 4. Tổ chức KH&CN do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
- 5. Chưa được phê duyệt/chưa có phương án tự chủ

8. Lĩnh vực KH&CN của đơn vị

Lựa chọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo danh mục trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN. Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%).

Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN bao gồm:

- Khoa học tự nhiên
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Khoa học y, dược
- Khoa học nông nghiệp
- Khoa học xã hội
- Khoa học nhân văn

9. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (*Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%*).

- *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy;

- *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội;

- *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu;

- *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ*: là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có 31 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ (7 dịch vụ); phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (6 dịch vụ); lĩnh vực sở hữu trí tuệ (2 dịch vụ); lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (9 dịch vụ); lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân (3 dịch vụ); đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (4 dịch vụ).

10. Danh sách các đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân

Nếu đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân đề nghị lập bảng kê các đơn vị trực thuộc riêng đính kèm.

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng và thông tin liên lạc của đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân của Viện Ứng dụng Công nghệ thuộc Bộ KH&CN có thể gồm:

STT	Tên đơn vị/tổ chức trực thuộc có tư cách	Tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, fax
------------	---	-----------------------	---------------------------------

	pháp nhân		
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Giang Mạnh Khôi	Địa chỉ: C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549064 Fax: 024 38549262
2	Trung tâm Công nghệ vi điện tử và tin học	Nguyễn Trần Hậu	Địa chỉ: Tầng 4, Nhà C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 35540463
3	Trung tâm Quang điện tử	Phạm Hồng Tuấn	Địa chỉ: Tòa nhà C6, Thanh Xuân Bắc, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549425 Fax: 024 38548187
..

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (Số liệu tại thời điểm 31/12/2018)

11. Tổng số nhân lực của đơn vị

Là tổng số nhân lực của đơn vị có vào thời điểm 31/12/2018, trong đó ghi cụ thể số nữ và số nhân lực có trình độ cao đẳng trở lên.

Ghi tổng số nhân lực, số nữ và số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên theo tình trạng tuyển dụng bao gồm: cán bộ trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển và tình trạng tuyển dụng khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

12. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

Bảng này chỉ ghi tổng số nhân lực, số nhân lực nữ và số nhân lực thuộc dân tộc thiểu số có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên có tại thời điểm 31/12/2018. (Tổng số người ở mục 01 của bảng 12 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 11)

Chia theo trình độ chuyên môn bao gồm 4 trình độ: Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng.

Trong đó chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2), (3), (4) và (5).

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ/tiến sĩ khoa học, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

Số liệu tại thời điểm 31/12/2018.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Lưu ý: - Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân)

- Làm tròn số đến hàng triệu. Ví dụ: 10,1 triệu => 10 triệu

10,5 triệu => 11 triệu

Ví dụ: Tổng thu của đơn vị là: Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu sáu trăm nghìn đồng.

Cách ghi đúng: 2351

Cách ghi sai: 2350,6 2.350,6 2.351 2.350.600.000

13. Tổng thu của đơn vị

Tổng thu của đơn vị chia theo nguồn thu gồm 4 loại:

- **Do Ngân sách nhà nước cấp** bao gồm:

+ Từ ngân sách Trung ương: bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành;

+ Từ ngân sách địa phương: là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Thu từ phí, lệ phí:** phí, lệ phí được để lại theo quy định.

- **Thu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước** bao gồm:

+ Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ

+ Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- **Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác.**

Đối với mỗi nguồn thu đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN (bao gồm nguồn đầu tư phát triển cho KH&CN và nguồn sự nghiệp KH&CN) và từ nguồn khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

Không ghi số liệu vào những ô đánh dấu “X”.

14. Tổng chi của đơn vị

Tổng chi của đơn vị được chia theo các khoản chi:

- Chi cho KH&CN là toàn bộ kinh phí thực chi của đơn vị để thực hiện hoạt động KH&CN gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN;

- Chi khác bao gồm: Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

15. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 nguồn:

- Ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

- Ngoài ngân sách nhà nước bao gồm: từ các doanh nghiệp và từ trường đại học, đơn vị sự nghiệp khác và nguồn ngoài NSNN khác;

- Nước ngoài.

16. Chi cho KH&CN theo loại chi

Chi cho KH&CN theo loại chi bao gồm 3 loại:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cho KH&CN.

- Chi sự nghiệp KH&CN bao gồm:

+ Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng bao gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ). Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ (ví dụ như: chi mua nguyên liệu, vật liệu; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng; chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, kiểm định trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; chi hội nghị hội thảo chuyên môn, công tác phí,...): Thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước. Trong khoản chi này, không tính khoản chi cho thực hiện các đề tài nghiên cứu;

+ Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN là những khoản chi để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: cấp quốc gia; cấp Bộ; cấp Tỉnh/Thành phố; cấp cơ sở và nhiệm vụ KH&CN khác;

+ Chi sự nghiệp KH&CN khác: là các khoản chi phục vụ hoạt động KH&CN không thuộc các khoản chi trên..

- Chi khác: ghi kinh phí từ các nguồn sự nghiệp khác mà tổ chức được thụ hưởng để triển khai hoạt động khoa học công nghệ (như từ nguồn ngân sách bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, v.v.).

Đối với mỗi loại chi đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN và nguồn khác.

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

17. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị

Đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp:

- 1. Được Nhà nước giao
- 2. Tự mua
- 3. Thuê, mượn

18. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có đến 31/12/2018)

Đơn vị tính: m²

- Tổng diện tích đất bao gồm:

- + Đất sử dụng cho trụ sở làm việc;
- + Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm, ...;
- + Diện tích đất khác.

- Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/ phòng thí nghiệm/ nhà xưởng: là tổng diện tích sàn của tất cả các tầng của trụ sở, phòng thí nghiệm, nhà xưởng. Ví dụ: khu đất xây dựng có diện tích 80m², xây 3 tầng, như vậy diện tích mặt sàn là 240m².

19. Giá trị còn lại của tài sản cố định

Đơn vị tính: triệu đồng.

Lưu ý: Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân). Làm tròn số đến hàng triệu.

Giá trị còn lại của tài sản cố định bằng nguyên giá tài sản cố định (hay giá trị ban đầu) trừ giá trị hao mòn (số khấu hao cơ bản đã trích) của chúng trong quá trình sử dụng.

Ghi Tổng giá trị tài sản cố định, chia theo loại tài sản cố định bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: là các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà

cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...;

- Máy móc, thiết bị bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ;

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường sông, đường hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá);

- Tài sản cố định khác bao gồm các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các mục trên (như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

Đối với mỗi loại tài sản cố định phải ghi rõ Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018 và Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018.

20. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

Nguồn lực thông tin KH&CN bao gồm:

- Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng;
- Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN;
- Số lượng máy chủ;
- Bảng thông đường truyền Internet;
- Năng lực lưu trữ dữ liệu;
- Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop).

21. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2018)

Tài sản trí tuệ bao gồm:

- Số bằng độc quyền sáng chế;
- Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp;
- Số bằng bảo hộ giống cây trồng;
- Số sáng kiến được công nhận;
- Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ;
- Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn;
- Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm.

22. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Ghi rõ tên trang thiết bị, mã/model trang thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá (đơn vị tính: triệu đồng).

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019

(Phiếu số 02/ ĐTTL-ĐH/2019: *Áp dụng cho đại học, trường đại học, học viện, cao đẳng*)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

1. Thông tin về đơn vị

1.1. Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

NASATI

IOIT

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

1.3. Địa chỉ

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

Hà Nội

Thái Bình

Đà Nẵng

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

1.4. Phương tiện liên lạc

Điện thoại và fax: ghi cả mã vùng và số điện thoại/fax riêng.

Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu cách. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

024 39349923 không ghi 024 3934 9923 hoặc 024-3934-9923

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

nguyenvana@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

http://www.vista.gov.vn

2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan/người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào trình độ, chức danh phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

3. Loại hình kinh tế

Đánh dấu “X” vào 1 thành phần kinh tế phù hợp nhất.

1. Nhà nước 2. Ngoài nhà nước 3. Có vốn đầu tư nước ngoài

4. Cơ quan quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị, ví dụ:

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

5. Bộ, ngành/tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản, quản lý

Nếu đơn vị trả lời phiếu thuộc Bộ/ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó.

Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Công thương

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị trả lời phiếu là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Tp. Hà Nội

UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND tỉnh Hà Nam

Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

6. Lĩnh vực KH&CN của đơn vị

Lựa chọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo danh mục trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN. Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%).

Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN bao gồm:

- Khoa học tự nhiên
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Khoa học y, dược
- Khoa học nông nghiệp
- Khoa học xã hội
- Khoa học nhân văn

7. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (*Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%*).

- *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy;

- *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội;

- *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu;

- *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ*: là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có 31 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ (7 dịch vụ); phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (6 dịch vụ); lĩnh vực sở hữu trí tuệ (2 dịch vụ); lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (9 dịch vụ); lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân (3 dịch vụ); đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (4 dịch vụ).

8. Danh sách các đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân

Nếu đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân đề nghị lập bảng kê các đơn vị trực thuộc riêng đính kèm.

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng và thông tin liên lạc của đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân của Viện Ứng dụng Công nghệ thuộc Bộ KH&CN có thể gồm:

STT	Tên đơn vị/tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân	Tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, fax
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Giang Mạnh Khôi	Địa chỉ: C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549064 Fax: 024 38549262
2	Trung tâm Công nghệ vi điện tử và tin học	Nguyễn Trần Hậu	Địa chỉ: Tầng 4, Nhà C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 35540463
3	Trung tâm Quang điện tử	Phạm Hồng Tuấn	Địa chỉ: Tòa nhà C6, Thanh Xuân Bắc, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549425 Fax: 024 38548187
..

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số liệu tại thời điểm 31/12/2018.

9. Tổng số nhân lực của đơn vị

Là tổng số nhân lực của đơn vị có vào thời điểm 31/12/2018, trong đó ghi cụ thể số nữ và số nhân lực có trình độ cao đẳng trở lên.

Ghi tổng số nhân lực, số nữ và số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên theo tình trạng tuyển dụng bao gồm: cán bộ trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển và tình trạng tuyển dụng khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

10. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

Bảng này chỉ ghi tổng số nhân lực, số nhân lực nữ và số nhân lực thuộc dân tộc ít người có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên có tại thời điểm 31/12/2018. (Tổng số người ở mục 01 của bảng 10 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 9)

Chia theo trình độ chuyên môn bao gồm 4 trình độ: Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng.

Trong đó chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2), (3), (4) và (5).

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ/tiến sĩ khoa học, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

11. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên là cán bộ cơ hữu của các viện, trung tâm nghiên cứu có tư cách pháp nhân trực thuộc trường đại học chia theo trình độ chuyên môn

Bảng này chỉ ghi toàn bộ nhân lực, số nhân lực nữ và số nhân lực thuộc dân tộc ít người có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên là cán bộ cơ hữu của các viện, trung tâm nghiên cứu có tư cách pháp nhân trực thuộc trường đại học có tại thời điểm 31/12/2018.

Chia theo trình độ chuyên môn bao gồm 4 trình độ: Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng;

Trong đó chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2), (3), (4) và (5).

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

Số liệu tại thời điểm 31/12/2018.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Lưu ý: - Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân)

- Làm tròn số đến hàng triệu. Ví dụ: 10,1 triệu => 10 triệu

10,5 triệu => 11 triệu

Ví dụ: Tổng thu của đơn vị là: Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu sáu trăm nghìn đồng.

Cách ghi đúng: 2351

Cách ghi sai: 2350,6 2.350,6 2.351 2.350.600.000

12. Tổng thu của đơn vị

Tổng thu của đơn vị chia theo nguồn thu gồm 4 loại:

- **Do Ngân sách nhà nước cấp** bao gồm:

- + Từ ngân sách Trung ương: bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành;
- + Từ ngân sách địa phương: là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Thu từ phí, lệ phí:** phí, lệ phí được để lại theo quy định.

- **Thu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước** bao gồm:

- + Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ
- + Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- **Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác.**

Đối với mỗi nguồn thu đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN (bao gồm nguồn đầu tư phát triển cho KH&CN và nguồn sự nghiệp KH&CN) và từ nguồn khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

Không ghi số liệu vào những ô đánh dấu “X”.

13. Tổng chi của đơn vị

Tổng chi của đơn vị được chia theo các khoản chi:

- Chi cho KH&CN là toàn bộ kinh phí thực chi của đơn vị để thực hiện hoạt động KH&CN gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN;
- Chi khác bao gồm: Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

14. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 nguồn:

- Ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Ngoài ngân sách nhà nước bao gồm: từ các doanh nghiệp và từ trường đại học, đơn vị sự nghiệp khác và nguồn ngoài NSNN khác;

- Nước ngoài.

15. Chi cho KH&CN theo loại chi

Chi cho KH&CN theo loại chi bao gồm 3 loại:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cho KH&CN.

- Chi sự nghiệp KH&CN bao gồm:

+ Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng bao gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ). Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ (ví dụ như: chi mua nguyên liệu, vật liệu; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng; chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, kiểm định trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; chi hội nghị hội thảo chuyên môn, công tác phí,...): Thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước. Trong khoản chi này, không tính khoản chi cho thực hiện các đề tài nghiên cứu;

+ Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN là những khoản chi để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: cấp quốc gia; cấp Bộ; cấp Tỉnh/Thành phố; cấp cơ sở và nhiệm vụ KH&CN khác;

+ Chi sự nghiệp KH&CN khác: là các khoản chi phục vụ hoạt động KH&CN không thuộc các khoản chi trên..

- Chi khác: ghi kinh phí từ các nguồn sự nghiệp khác mà tổ chức được thụ hưởng để triển khai hoạt động khoa học công nghệ (như từ nguồn ngân sách bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, v.v.).

Đối với mỗi loại chi đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN và nguồn khác.

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

16. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị

Đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp:

- 1. Được Nhà nước giao
- 2. Tự mua
- 3. Thuê, mượn

17. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có đến 31/12/2018)

Đơn vị tính: m²

- Tổng diện tích đất bao gồm:

- + Đất sử dụng cho trụ sở làm việc;
- + Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,...;
- + Diện tích đất khác.

- Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/ phòng thí nghiệm/ nhà xưởng: là tổng diện tích sàn của tất cả các tầng của trụ sở, phòng thí nghiệm, nhà xưởng. Ví dụ: khu đất xây dựng có diện tích 80m², xây 3 tầng, như vậy diện tích mặt sàn là 240m².

18. Giá trị còn lại của tài sản cố định

Đơn vị tính: triệu đồng.

Lưu ý: Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân). Làm tròn số đến hàng triệu.

Giá trị còn lại của tài sản cố định bằng nguyên giá tài sản cố định (hay giá trị ban đầu) trừ giá trị hao mòn (số khấu hao cơ bản đã trích) của chúng trong quá trình sử dụng.

Ghi Tổng giá trị tài sản cố định, chia theo loại tài sản cố định bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: là các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...;

- Máy móc, thiết bị bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ;

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường sông, đường hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá);

- Tài sản cố định khác bao gồm các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các mục trên (như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

Đối với mỗi loại tài sản cố định phải ghi rõ Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018 và Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018.

19. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

Nguồn lực thông tin KH&CN bao gồm:

- Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng;
- Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN;
- Số lượng máy chủ;
- Bảng thông đường truyền Internet;
- Năng lực lưu trữ dữ liệu;
- Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop).

20. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2018)

Tài sản trí tuệ bao gồm:

- Số bằng độc quyền sáng chế;
- Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp;
- Số bằng bảo hộ giống cây trồng;
- Số sáng kiến được công nhận;
- Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ;
- Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn;
- Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm.

21. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Ghi rõ tên trang thiết bị, mã/model trang thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá (đơn vị tính: triệu đồng).

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2019

(Phiếu số 03/ ĐTTL-DV/2019: *Áp dụng cho các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ; Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân; Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực KH&CN*)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

1. Thông tin về đơn vị

1.1. Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:
Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có)

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

NASATI

IOIT

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

1.3. Địa chỉ

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ví dụ:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

Hà Nội

Thái Bình

Đà Nẵng

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

1.4. Phương tiện liên lạc

Điện thoại và fax: ghi cả mã vùng và số điện thoại/fax riêng.

Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu cách. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

024 39349923 không ghi 024 3934 9923 hoặc 024-3934-9923

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

nguyenvana@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

http://www.vista.gov.vn

2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan/người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào trình độ, chức danh phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

3. Loại hình kinh tế

Đánh dấu “X” vào 1 thành phần kinh tế phù hợp nhất.

1. Nhà nước 2. Ngoài nhà nước 3. Có vốn đầu tư nước ngoài

4. Cơ quan quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị, ví dụ:

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

5. Thẩm quyền thành lập

Đánh dấu “X” vào 1 trong các lựa chọn:

- 1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- 2. Chính phủ: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Chính phủ;
- 3. Tòa án nhân dân tối cao: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- 4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: thành lập tổ chức KH&CN thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- 5. Thủ tướng Chính phủ: thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức KH&CN thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- 6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: thành lập tổ chức KH&CN thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm (5) khoản này;
- 7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: thành lập tổ chức KH&CN của địa phương theo thẩm quyền;
- 8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp: thành lập tổ chức KH&CN theo quy định của pháp luật và điều lệ;
- 9. Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân: thành lập tổ chức KH&CN của mình.

6. Bộ, ngành/tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản, quản lý

Nếu đơn vị trả lời phiếu thuộc Bộ/ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó.

Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Công thương

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị trả lời phiếu là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Tp. Hà Nội

UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND tỉnh Hà Nam

Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

7. Thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN theo Nghị định

54/2016/NĐ-CP (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

Tại khoản 2 điều 3 Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định: Tổ chức KH&CN công lập được phân loại theo mức độ tự đảm bảo về chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

- 1. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
- 2. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm chi thường xuyên
- 3. Tổ chức KH&CN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
- 4. Tổ chức KH&CN do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
- 5. Chưa được phê duyệt/chưa có phương án tự chủ

8. Lĩnh vực KH&CN của đơn vị

Lựa chọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo danh mục trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN. Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng theo kinh phí sử dụng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động KH&CN (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%).

Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN bao gồm:

- Khoa học tự nhiên
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Khoa học y, dược
- Khoa học nông nghiệp

- Khoa học xã hội
- Khoa học nhân văn

9. Loại hình hoạt động KH&CN chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, xin cho biết tỷ trọng tính dựa theo kinh phí sử dụng giữa các loại hình (*Chú ý: Tổng tỷ trọng của các loại hình phải là 100%*).

- *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy;

- *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội;

- *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu;

- *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống;

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ*: là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có 31 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ (7 dịch vụ); phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (6 dịch vụ); lĩnh vực sở hữu trí tuệ (2 dịch vụ); lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (9 dịch vụ); lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân (3 dịch vụ); đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (4 dịch vụ).

10. Danh sách các đơn vị/ tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân

Nếu đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân đề nghị lập bảng kê các đơn vị trực thuộc riêng đính kèm.

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng và thông tin liên lạc của đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân của Viện Ứng dụng Công nghệ thuộc Bộ KH&CN có thể gồm:

STT	Tên đơn vị/tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân	Tên thủ trưởng	Địa chỉ, điện thoại, fax
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Giang Mạnh Khôi	Địa chỉ: C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549064 Fax: 024 38549262
2	Trung tâm Công nghệ vi điện tử và tin học	Nguyễn Trần Hậu	Địa chỉ: Tầng 4, Nhà C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 35540463
3	Trung tâm Quang điện tử	Phạm Hồng Tuấn	Địa chỉ: Tòa nhà C6, Thanh Xuân Bắc, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024 38549425 Fax: 024 38548187
..

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số liệu tại thời điểm 31/12/2018.

11. Tổng số nhân lực của đơn vị

Là tổng số nhân lực của đơn vị có vào thời điểm 31/12/2018, trong đó ghi cụ thể số nữ và số nhân lực có trình độ cao đẳng trở lên.

Ghi tổng số nhân lực, số nữ và số nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên theo tình trạng tuyển dụng bao gồm: cán bộ trong biên chế/được thi tuyển hoặc xét tuyển và tình trạng tuyển dụng khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

12. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

Bảng này chỉ ghi tổng số nhân lực, số nhân lực nữ và số nhân lực thuộc dân tộc ít người có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên có tại thời điểm 31/12/2018. (Tổng số người ở mục 01 của bảng 12 phải bằng số người ở mục 03 của bảng 11)

Chia theo trình độ chuyên môn bao gồm 4 trình độ: Tiến sĩ; Thạc sĩ; Đại học; Cao đẳng.

Trong đó chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2), (3), (4) và (5).

Chú ý: Đối với nhân lực có trình độ tiến sĩ/tiến sĩ khoa học, đề nghị lập danh sách chi tiết theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2018

Số liệu tại thời điểm 31/12/2018.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Lưu ý: - Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân)

- Làm tròn số đến hàng triệu. Ví dụ: 10,1 triệu => 10 triệu

10,5 triệu => 11 triệu

Ví dụ: Tổng thu của đơn vị là: Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu sáu trăm nghìn đồng.

Cách ghi đúng: 2351

Cách ghi sai: 2350,6 2.350,6 2.351 2.350.600.000

13. Tổng thu của đơn vị

Tổng thu của đơn vị chia theo nguồn thu gồm 4 loại:

- **Do Ngân sách nhà nước cấp** bao gồm:

+ Từ ngân sách Trung ương: bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành;

+ Từ ngân sách địa phương: là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Thu từ phí, lệ phí:** phí, lệ phí được để lại theo quy định.

- **Thu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước** bao gồm:

+ Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ

+ Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- **Thu từ viện trợ không hoàn lại, ODA, nguồn nước ngoài khác.**

Đối với mỗi nguồn thu đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN (bao gồm nguồn đầu tư phát triển cho KH&CN và nguồn sự nghiệp KH&CN) và từ nguồn khác.

Số liệu ở cột (1) của từng chỉ tiêu phải bằng tổng số liệu của các cột (2) và (3).

Không ghi số liệu vào những ô đánh dấu “X”.

14. Tổng chi của đơn vị

Tổng chi của đơn vị được chia theo các khoản chi:

- Chi cho KH&CN là toàn bộ kinh phí thực chi của đơn vị để thực hiện hoạt động KH&CN gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN;

- Chi khác bao gồm: Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

15. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 nguồn:

- Ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

- Ngoài ngân sách nhà nước bao gồm: từ các doanh nghiệp và từ trường đại học, đơn vị sự nghiệp khác và nguồn ngoài NSNN khác;

- Nước ngoài.

16. Chi cho KH&CN theo loại chi

Chi cho KH&CN theo loại chi bao gồm 3 loại:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước cho KH&CN.

- Chi sự nghiệp KH&CN bao gồm:

+ Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng bao gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ). Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ (ví dụ như: chi mua nguyên liệu, vật liệu; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng; chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, kiểm định trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; chi hội nghị hội thảo chuyên môn, công tác phí,...): Thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước. Trong khoản chi này, không tính khoản chi cho thực hiện các đề tài nghiên cứu;

+ Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN là những khoản chi để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: cấp quốc gia; cấp Bộ; cấp Tỉnh/Thành phố; cấp cơ sở và nhiệm vụ KH&CN khác;

+ Chi sự nghiệp KH&CN khác: là các khoản chi phục vụ hoạt động KH&CN không thuộc các khoản chi trên..

- Chi khác: ghi kinh phí từ các nguồn sự nghiệp khác mà tổ chức được thụ hưởng để triển khai hoạt động khoa học công nghệ (như từ nguồn ngân sách bảo vệ

môi trường, giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, v.v.).

Đối với mỗi loại chi đều được phân thành 2 loại: Từ nguồn KH&CN và nguồn khác.

PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỀM LỰC KHÁC

17. Tình trạng sử dụng đất/trụ sở làm việc/nhà xưởng của đơn vị

Đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp:

- 1. Được Nhà nước giao
- 2. Tự mua
- 3. Thuê, mượn

18. Đất đai cho trụ sở và nhà xưởng (có đến 31/12/2018)

Đơn vị tính: m²

- Tổng diện tích đất bao gồm:

- + Đất sử dụng cho trụ sở làm việc;
- + Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm, ...;
- + Diện tích đất khác.

- Tổng số diện tích mặt sàn trụ sở/ phòng thí nghiệm/ nhà xưởng: là tổng diện tích sàn của tất cả các tầng của trụ sở, phòng thí nghiệm, nhà xưởng. Ví dụ: khu đất xây dựng có diện tích 80m², xây 3 tầng, như vậy diện tích mặt sàn là 240m².

19. Giá trị còn lại của tài sản cố định

Đơn vị tính: triệu đồng.

Lưu ý: Không dùng dấu “.” hoặc “,” để phân cách số liệu (Hàng nghìn hoặc hàng thập phân). Làm tròn số đến hàng triệu.

Giá trị còn lại của tài sản cố định bằng nguyên giá tài sản cố định (hay giá trị ban đầu) trừ giá trị hao mòn (số khấu hao cơ bản đã trích) của chúng trong quá trình sử dụng.

Ghi Tổng giá trị tài sản cố định, chia theo loại tài sản cố định bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: là các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...;

- Máy móc, thiết bị bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ;

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường sông, đường hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá);

- Tài sản cố định khác bao gồm các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các mục trên (như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

Đối với mỗi loại tài sản cố định phải ghi rõ Giá trị còn lại tại thời điểm 01/01/2018 và Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2018.

20. Nguồn lực thông tin KH&CN (có đến 31/12/2018)

Nguồn lực thông tin KH&CN bao gồm:

- Số lượng CSDL về KH&CN được xây dựng;
- Số biểu ghi có trong các CSDL về KH&CN;
- Số lượng máy chủ;
- Bảng thông đường truyền Internet;
- Năng lực lưu trữ dữ liệu;
- Số lượng máy tính cá nhân (PC/laptop).

21. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2018)

Tài sản trí tuệ bao gồm:

- Số bằng độc quyền sáng chế;
- Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp;
- Số bằng bảo hộ giống cây trồng;
- Số sáng kiến được công nhận;
- Số lượng chương trình máy tính được cấp văn bằng bảo hộ;
- Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn;
- Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm.

22. Các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn (từ 300 triệu đồng trở lên theo nguyên giá) có đến 31/12/2018

Ghi rõ tên trang thiết bị, mã/model trang thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá (đơn vị tính: triệu đồng).

**PHỤ LỤC I. QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2016/QĐ-TTg CỦA THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA
THỐNG KÊ QUỐC GIA**

Số: 43/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình điều tra thống kê quốc gia,

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2016, thay thế Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phúc

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, tài chính, thông tin và các tiềm lực khoa học công nghệ khác phục vụ phân tích thông tin quy hoạch và xây dựng chiến lược, chính sách, phục vụ quản lý điều hành hoạt động khoa học công nghệ.	Các tổ chức khoa học và công nghệ (gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Hạ tầng cơ sở; Thông tin; Vật lực; Tài chính; Tiềm lực khác; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401. - Nhân lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 9 (tiên hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
2	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách chiến lược khoa học và công nghệ.	- Các tổ chức khoa học và công nghệ: Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển, công nghệ; Cơ sở giáo dục đại học bao gồm (Đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng); Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. - Các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về KH&CN, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác. - Các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu và phát triển; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403, 1404. - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu và phát triển; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1407.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiên hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

